TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN THẠNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/DS-ST
Ngày: 22-5-2024
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

2. Ông Nguyễn Vĩnh Lâm

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hiếu Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C

Địa chỉ: số A, phố L, H, H, Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Tổng giám đốc;

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Trọng T1 – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện C (theo văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng C).

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1961; Nơi cư trú: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh

Long An.

(Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai và các lời trình bày tại Tòa án của nguyên đơn như sau:

Bà Nguyễn Thị B có vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn mã món vay số 6600000713710051 vào ngày 21/9/2018, số tiền 8.000.000 đồng, lãi suất 0,9%/năm, thời hạn trả cuối cùng 21/9/2023, phân kỳ trả nợ 06 tháng 01 lần. Bà B đã được gia hạn thời gian trả nợ gốc và lãi, hạn trả cuối cùng ngày 25/9/2025. Tuy nhiên, sau đó bà B vẫn không thực hiện đúng cam kết trả nợ gốc và lãi phân kỳ như đã cam kết khi xin gia hạn nợ. Do đó, Ngân hàng C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị B phải thanh toán nợ cho Ngân hàng số tiền gốc là 8.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh đến cho đến khi trả xong khoản nợ gốc đã vay.

Bị đơn bà Nguyễn Thị B vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả gốc và lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ gốc, trong đó, lãi tạm tính đến ngày xét xử là 1.323.996 đồng.

Bị đơn Nguyễn Thị B vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn Nguyễn Thị B cư trú tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Long An. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị B vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà B đã được tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt. Việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhiều lần mà không phải vì lý do chính đáng hoặc do trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng có cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh gồm có Sổ vay vốn, Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ thể hiện bà B vay tiền tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách huyện C khoản vay vốn chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn mã món vay số 6600000713710051 vào ngày 21/9/2018, số tiền 8.000.000đồng, lãi suất 0,9%/năm, thời hạn trả cuối cùng 21/9/2023, phân kỳ trả nợ 06 tháng 01 lần.

Như vậy, hợp đồng giữa các bên đương sự ký kết dựa trên cơ sở tự nguyện, hợp đồng có nêu rõ về mức về mức cho vay, phương thức cho vay, thời hạn vay, lãi suất, thời gian trả nợ gốc và lãi. Sổ vay vốn còn có ghi cụ thể quyền và nghĩa vụ của bên cho vay, bên vay... đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà B đã không thực hiện trả gốc, lãi đúng theo phân kỳ đã thỏa thuận. Đến ngày 21/9/2023, món vay đã quá hạn toàn bộ. Bà B đã được gia hạn nợ gốc và lãi và cam kết trả đúng hạn gốc và lãi theo phân kỳ nhưng sau đó lại tiếp tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phân kỳ đã thỏa thuận. Căn cứ quy định tại điểm c mục 2.1 khoản 2 của "Sổ vay vốn" có quy định về quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Chính sách thu hồi nợ trước hạn quy định quyền của Ngân hàng C: "Chấm dứt việc cho vay, thu hồi trước hạn hoặc áp dụng các chế tài khác khi phát hiện người vay cung cấp thông tin sai sự thật, sử dụng vốn vay không đúng mục đích hoặc các vi phạm khác theo quy định". Ngoài ra, theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay còn thể hiện người vay là bà Nguyễn Thị B cam kết sử dụng đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn, nếu sai hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Do đó, mặc dù sau khi gia hạn nợ, hạn trả cuối cùng đến ngày 21/9/2025 nhưng do bà B vi phạm nghĩa vụ nên Ngân hàng chính sách yêu cầu bà B trả toàn bộ số nợ gốc và lãi trước hạn là có cơ sở.

Đối với bà Nguyễn Thị B đã nhận trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự: "2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Ngân hàng C không phải chịu án phí. Bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C. Buộc bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C (Thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C) số tiền gốc là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 22/5/2024 (ngày xét xử) là 1.323.996 đồng (Một triệu ba trăm hai mươi ba nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng), tổng cộng gốc và lãi là 9.323.996đ (Chín triệu ba trăm hai mươi ba nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ngân hàng C không phải chịu án phí.

Bà Nguyễn Thị B phải chịu 466.199đ (Bốn trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm chín mươi chín đồng) án phí.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
- Đương sự; **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Ngọc Ánh

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA**